

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 - 2021

*“Về ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Luận và bà Bùi Thị Quy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Mạc Thị N, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Mạc Thị N và bị đơn anh Nguyễn Xuân V đều trình bày thống nhất:*

Chị N và anh V kết hôn ngày 01/6/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh chị kết hôn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về kinh tế trong gia đình. Từ đó anh chị hay xảy ra cãi vã, có những lời nói thiếu tôn trọng nhau, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Đến tháng 9/2019 anh chị ly thân, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Sau đó anh V khởi kiện

xin ly hôn chị N tại Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Tòa án đã thụ lý vụ án, đến tháng 11/2019 Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân V đã được Tòa án triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, anh V và chị N không về chung sống với nhau, anh chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ.

Chị N trình bày lý do trước đây anh V không đến Tòa án theo triệu tập của Tòa án vì anh V muốn gây khó khăn cho chị. Nay chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh V.

Anh V trình bày lý do trước đây anh không đến Tòa án theo triệu tập của Tòa án vì chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không đúng sự thật. Nay chị N xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn chị N.

Về con chung: Chị N và anh V đều xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ng là mẹ đẻ của chị N trình bày: Vợ chồng anh V, chị N kết hôn có đăng ký kết hôn, có được hai gia đình tổ chức lễ cưới. Đến tháng 9/2019 bà được biết anh chị có mâu thuẫn, cãi vã, chửi bới nhau, chị N bỏ về nhà bà sống từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm, bất đồng về kinh tế gia đình. Nay anh chị đã mâu thuẫn căng thẳng, không thể về chung sống với nhau được nữa, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật và nguyện vọng của anh chị để giải quyết. Về con chung: Anh V và chị N không có con chung.

Tại biên bản xác minh với trưởng thôn L, xã T, huyện N xác định: Anh V và chị N kết hôn tháng 6/2018, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới. Anh chị chung sống với nhau đến tháng 9/2019 thì chị N bỏ đi cho đến nay không về sống cùng anh V. Địa phương không nắm được việc mâu thuẫn của anh chị. Nay chị N xin ly hôn anh V, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật và nguyện vọng của hai bên để giải quyết. Chị N và anh V không có con chung.

Tại biên bản xác minh với trưởng thôn C, xã H, huyện N xác định: Chị N và anh V kết hôn năm 2018, được hai gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, chị N chuyển hộ khẩu về thôn L, xã T, huyện N sống. Quá trình anh chị chung sống, địa phương không nắm được anh V, chị N có mâu thuẫn hay không. Đến tháng 9/2019 chị N về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã H, huyện N sống cho đến nay. Chị N và anh V không có con chung.

Tại phiên tòa:

Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh V. Về quan hệ con chung: Chị và anh V không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp

hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị N, cho chị Mạc Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân V. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Mạc Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Đây là vụ án về Ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Xuân V cư trú tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh V đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do, chị N đề nghị không hòa giải. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng anh Việt vẫn vắng mặt không có lý do. Do anh V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

#### **[2] Về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Chị N và anh V kết hôn với nhau ngày 01/6/2018, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Anh V, chị N chung sống với nhau đến tháng 4/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cơ bản là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, về kinh tế trong gia đình. Từ đó, vợ chồng xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng nhau, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Đến tháng 9/2019 anh chị sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Năm 2019 anh V khởi kiện xin ly hôn chị N, đến ngày 28/11/2019 Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, anh V và chị N vẫn tiếp tục sống ly thân và không quan

tâm đến nhau. Việc chị N và anh V không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không sống chung; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả chị N và anh V đều xác định không thể về đoàn tụ và mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh V đến Tòa án làm việc nhưng anh V chỉ đến Tòa án ngày 29/3/2021 để trình bày bản tự khai, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này thể hiện anh V không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và không có thiện chí hòa giải.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh V; về quan hệ con chung: Chị N và anh V không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết; về quan hệ tài sản: Chị N và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Mạc Thị N, cho chị Mạc Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân V.

- Về quan hệ con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Mạc Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0004259 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Thanh Quang, huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Thị Hậu**